

Bản án số: 61/2023/DS-ST

Ngày: 28-6-2023

V/v “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy K, sinh năm 1966; (*có mặt*)

Địa chỉ: Kp4/95, khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1987; (*vắng mặt*)

2. Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1986; (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp V3, xã TP, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-6-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Duy K trình bày:

Ngày 09-5-2020, anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H có vay của ông số tiền 1.000.000.000 (*Một tỷ*) đồng, với lãi suất 2,5%/tháng. Khi vay anh T, chị H có giao cho ông giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06198 ngày 31-8-2018 do anh T đứng tên. Anh T, chị H đóng tiền lãi đầy đủ được 06 tháng

(từ tháng 6 đến tháng 11-2020) với số tiền 150.000.000 đồng, tức 25.000.000 đồng/tháng. Từ tháng 12-2020 đến tháng 02-2021, anh T có trả lãi nhưng không đầy đủ.

Đến ngày 04-9-2020, anh T tiếp tục vay của ông số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng, với mức lãi suất là 2,5%/tháng. Tháng 9, 10 và 11-2020 anh T đóng lãi đầy đủ. Từ tháng 12-2020 đến tháng 02-2021, anh T có trả lãi nhưng không đầy đủ. Khi vay có làm hợp đồng vay tiền ngày 09-5-2020 do anh T, chị H ký tên và ngày 04-9-2020 do anh T ký tên. Mục đích vay là để làm vốn kinh doanh quán ăn và buôn bán bất động sản. Tổng số tiền lãi của hai lần vay mà anh T, chị H đã trả cho ông là 212.000.000 đồng.

Đến tháng 3-2021, anh T và chị H không tiếp tục trả tiền lãi. Đến tháng 9-2021, thì anh T, chị H đã bỏ nhà đi nhưng không thông báo cho ông biết. Ông có gọi điện thoại nhưng anh T không cho ông biết họ đã đi đâu.

Nay ông yêu cầu anh T, chị H trả nợ gốc 1.300.000.000 (*Một tỷ ba trăm triệu*) đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 01-3-2021 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 20%/năm.

Bị đơn anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, **riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.**

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy K. Buộc anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H có nghĩa vụ trả cho ông K số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật sau khi khấu trừ phần tiền lãi vượt quá mức quy định của pháp luật mà anh T và chị H đã trả cho ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Qua xác minh, bị đơn anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện G, tỉnh T và nơi cư trú cuối cùng tại ấp V3, xã TP, huyện G, tỉnh T. Nhưng từ khoảng tháng 9-2021, anh T và chị H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ. Anh T và chị H không báo với chính quyền địa phương cũng như không thông báo và không cung cấp địa chỉ mới cho ông K biết. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T và chị H là đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn anh T và chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu về nợ gốc của nguyên đơn:

Ông K cho rằng vào các ngày 09-5-2020 và 04-9-2020, anh T và chị H có vay của ông tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng. Khi vay có làm hợp đồng vay tiền do anh T và chị H ký tên. Do anh T và chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi nên ông K khởi kiện vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 2262/KL-KTHS ngày 17-4-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố H – Bộ Công an kết luận chữ viết, chữ ký cần giám định đứng tên Bùi Mạnh T và Trần Thị Thúy H trên hợp đồng vay tiền ngày 09-5-2020 và ngày 04-9-2020 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Mạnh T và Trần Thị Thúy H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đối với số tiền vay gốc 1.300.000.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn:

Ông K thừa nhận, tại hợp đồng vay tiền ngày 09-5-2020 và 04-9-2020, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng. Và đối với 02 khoản vay này, anh T và chị H đóng lãi đầy đủ đến tháng 11-2020, từ sau tháng 11-2020 anh T và chị H có trả lãi nhưng không đủ so với mức lãi suất đã thỏa thuận. Tuy nhiên, với mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận đã vượt quá mức lãi suất cho phép được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Mặc dù anh T, chị H không cung cấp văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự nên cần tính lại tiền lãi mà anh T, chị H đã trả cho ông K đến tháng 11-2020 theo mức lãi suất quy định của pháp luật là phù hợp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất theo quy định là 20%/năm và tiền lãi được tính như sau:

* Đối với số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng vay ngày 09-5-2020.

Tiền lãi mà anh T, chị H có trách nhiệm trả từ ngày 09-5-2020 đến ngày 09-11-2020 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) là:

$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 100.000.000 \text{ đồng}$

Tiền lãi mà anh T, chị H đã trả với mức lãi suất 2,5%/tháng từ ngày 09-5-2020 đến ngày 09-11-2020 là:

$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 150.000.000 \text{ đồng}$

Tiền lãi anh T, chị H đã trả vượt lãi suất quy định là: $150.000.000 \text{ đồng} - 100.000.000 \text{ đồng} = 50.000.000 \text{ đồng}$.

Phần tiền lãi đã trả vượt lãi suất quy định được trừ vào tiền nợ gốc còn lại là 1.000.000.000 đồng – 50.000.000 đồng = 950.000.000 đồng.

Do đó, tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính từ ngày 09-3-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28-6-2023) là: 950.000.000 đồng x 20%/năm x 27 tháng 19 ngày = 437.528.000 đồng.

* Đối với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng vay ngày 04-9-2020.

Tiền lãi mà anh T, chị H có trách nhiệm trả từ ngày 04-9-2020 đến ngày 04-11-2020 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật (20%/năm) là:

300.000.000 đồng x 20%/năm x 03 tháng = 15.000.000 đồng

Tiền lãi mà anh T, chị H đã trả với mức lãi suất 2,5%/tháng từ ngày 04-9-2020 đến ngày 04-11-2020 là:

300.000.000 đồng x 2,5%/tháng x 03 tháng = 22.500.000 đồng

Tiền lãi anh T, chị H đã trả vượt lãi suất quy định là: 22.500.000 đồng – 15.000.000 đồng = 7.500.000 đồng.

Phần tiền lãi đã trả vượt lãi suất quy định được trừ vào tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng – 7.500.000 đồng = 292.500.000 đồng.

Do đó, tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được tính từ ngày 04-3-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28-6-2023) là: 292.500.000 đồng x 20%/năm x 27 tháng 24 ngày = 135.525.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc anh T và chị H có trách nhiệm trả cho ông K tổng số tiền là 1.815.553.000 (*Một tỷ tám trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.242.500.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 28-6-2023 là 573.053.000 đồng theo quy định tại các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Theo ông K, khi vay anh T có thể chấp cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06198 cấp ngày 31-8-2018 do anh T đứng tên. Tuy nhiên, khi xác lập giao dịch hai bên không làm hợp đồng thế chấp, không được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các điều 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự và các điều 167, 188 của Luật Đất đai. Do đó, cần buộc ông K trả cho anh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06198 cấp ngày 31-8-2018 do anh T đứng tên theo quy định tại các điều 274, 279 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 274, 279, 463, 466, 468, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 167, 188 của Luật Đất đai; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy K đối với anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H.

Buộc anh Bùi Mạnh T và chị Trần Thị Thúy H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Duy K tổng số tiền là 1.815.553.000 (*Một tỷ tám trăm mười lăm triệu năm trăm năm mươi ba nghìn*) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.242.500.000 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn*) đồng và tiền lãi tính đến ngày 28-6-2023 là 573.053.000 (*Năm trăm bảy mươi ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn*) đồng.

Kể từ ngày 29-6-2023 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh T và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Nguyễn Duy K trả cho anh Bùi Mạnh T 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS06198 cấp ngày 31-8-2018 do anh T đứng tên.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh T và chị H phải chịu 66.466.600 (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm*) đồng.

Hoàn trả cho ông K số tiền 30.690.000 (*Ba mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024654 ngày 03-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Kim Cương